

TƯ LIỆU VỀ VIỆT NAM - Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu Việt Nam học

HỒ SĨ QUÝ^(*),
PHÙNG ĐIỀU ANH^(**)

Lời tòa soạn: Từ 26-28/11/2012, tại Hà Nội đã diễn ra Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ tư do Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội đồng tổ chức. Đây là diễn đàn lớn, có uy tín được tổ chức 4 năm một lần, quy tụ các nhà nghiên cứu Việt Nam học trên toàn thế giới. Tham dự Hội thảo lần này có hơn 1.000 nhà khoa học đến từ 36 quốc gia và vùng lãnh thổ; đã có gần 400 tham luận được trình bày và khoảng 1 nghìn ý kiến trao đổi, thảo luận tại 15 tiểu ban tập trung vào một số chủ đề lớn như:

- Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm xuyên suốt tại phần lớn các tiểu ban về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, luật pháp, văn hóa, nghệ thuật, dân tộc và tôn giáo, giáo dục và khoa học - công nghệ, đô thị, nông thôn, quan hệ quốc tế, v.v

- Hội nhập quốc tế là chủ đề bao trùm tại các tiểu ban về các vấn đề khu vực và sự hội nhập quốc tế của Việt Nam.

- Sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng của ngành Việt Nam học, thể hiện trong các nghiên cứu về lịch sử, dân tộc, văn hóa... của các nhà Việt Nam học trên thế giới.

Trong số 15 tiểu ban tại Hội thảo, Tiểu ban 15 “Tư liệu về Việt Nam - cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu Việt Nam học” đã thu hút được sự tham gia và đóng góp rất có ý nghĩa của nhiều học giả trong và ngoài nước.

Trân trọng giới thiệu với bạn đọc Báo cáo tổng kết của Tiểu ban 15 tại phiên toàn thể ngày 28/11/2012.

Trong số 53 tham luận mà tiểu ban 15 nhận được, có 23 tham luận đã được trình bày trong ba ngày Hội thảo, trong đó có 9 tham luận của các học giả nước ngoài. Trong 6 phiên, các chủ đề thảo luận được đánh giá là thú vị và hấp dẫn. Những vấn đề được nêu tương đối chuyên cho lĩnh vực Việt Nam học. Các tham luận đã trình bày đều nhận được sự

quan tâm, phản biện; có chia sẻ, nhưng cũng có tranh luận, thậm chí tranh cãi sôi nổi. Có tham luận nhận được tới 5-6 ý kiến chất vấn và phản hồi.

^(*) GS.TS., Viện trưởng Viện Thông tin KHXH, Trưởng Tiểu ban 15.

^(**) ThS., Viện Thông tin KHXH, Thư ký Tiểu ban 15.

Sau đây chúng tôi xin điểm lại những kết quả chính của các phiên thảo luận này.

1. Về tình hình nghiên cứu Việt Nam học ở nước ngoài

Trên cơ sở khảo cứu các tài liệu tiếng Nhật về Việt Nam, một số tác giả đã đánh giá ý nghĩa của việc nghiên cứu đó và tìm hiểu về quá trình hình thành ngành Việt Nam học tại Nhật Bản. Một tham luận kết luận rằng, ngành Việt Nam học tại Nhật Bản gắn liền với tên tuổi nhà nghiên cứu Matshumoto Nobuhiro (松本信広) bắt đầu từ những năm 30 của thế kỷ trước. Dưới ảnh hưởng của các nhà dân tộc học người Pháp tại Paris và tại Hà Nội, Matshumoto đã khởi xướng xu hướng nghiên cứu một đối tượng mới là Việt Nam và xu hướng này từ đó đã để lại nhiều sản phẩm có giá trị.

Tiếp tục truyền thống này, các hướng nghiên cứu về Việt Nam hiện đại bằng nguồn thư tịch tiếng Nhật cũng rất phong phú. Nhiều học giả đã thành danh trong sự nghiệp nghiên cứu Việt Nam học. Từ năm 1986 đến 2011, các công trình về Việt Nam bằng tiếng Nhật đã công bố, theo thống kê của một tác giả đã đạt tới con số 562 bài báo khoa học và 128 đầu sách chuyên khảo. Có thể sự chính xác của số liệu này còn cần phải kiểm tra, nhưng nhu cầu hiểu biết sâu hơn về Việt Nam, phát triển mạnh hơn nữa quan hệ mọi mặt với Việt Nam là điều có thể khẳng định.

Trong 10 năm gần đây, số lượng các bài báo khoa học, công trình nghiên cứu về Việt Nam của các học giả Nhật Bản còn tăng hơn trước. Các học giả người Nhật còn trực tiếp thực hiện những cuộc khảo sát trên đất Việt Nam, chẳng hạn

như ở Hội An (Quảng Nam), Làng Vạc (Nghệ An), Bách Cốc (Nam Định), Cổ Loa (Hà Nội), v.v... Kết quả của các công trình này được giới nghiên cứu đánh giá là có giá trị về nhiều phương diện, kể cả ở phương diện tư vấn chính sách cho Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam.

Đó là ý kiến của TS. Petra Karlova, Đại học Waseda; GS. Imai Akio, Đại học Ngoại ngữ Tokyo; NCS. Sato Thuy Uyên, Đại học Kansai; và NCS. Đào Thu Vân, Đại học Kanazawa.

2. Tư liệu về các vấn đề văn hóa và giao lưu văn hóa

Tại tiểu ban 15 có 2 tham luận nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó một nghiên cứu từ góc độ chính trị học so sánh. Theo tác giả Cheng Grace, cách tiếp cận này cho phép làm lộ ra những nét độc đáo, đặc thù của lãnh tụ Hồ Chí Minh so với các nhà tư tưởng, chính trị phương Tây. Ở Hồ Chí Minh, tư tưởng về tự do mang đậm tính chất nhân văn và gắn liền với quá trình đấu tranh giành độc lập và mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc. Đây là cách tiếp cận nhận được sự quan tâm chú ý của nhiều học giả.

Trên cơ sở khảo cứu các nguồn tư liệu tiếng Phạn, một số nhà nghiên cứu đã phác họa mối quan hệ giữa Iran và Việt Nam thời đầu Công nguyên thông qua việc buôn bán giao lưu giữa triều đại Sassanid của Ba Tư với vương quốc Chăm Pa từ năm 226 đến năm 651. Những dấu vết của mối quan hệ này, ngày nay vẫn có thể tìm thấy qua văn tự ở chính Iran, cũng như phía Nam Trung bộ Việt Nam. Tuy nhiên, vấn đề thú vị này đòi hỏi phải được nghiên cứu sâu hơn.

Trên cơ sở nghiên cứu văn bản “Di Tê Loạn cổ” của Hàn Quốc, một tác giả đã bước đầu phân tích quá trình biến động ngữ âm của 123 từ tiếng Việt thế kỷ XVIII. Công việc theo hướng này hứa hẹn sẽ mang lại ý nghĩa đáng kể cho việc khảo cứu ngữ âm học tiếng Việt, nói riêng, và quan hệ văn hóa Việt Nam - Triều Tiên trong lịch sử, nói chung.

So sánh những đặc điểm của các hiện vật khảo cổ thuộc văn hóa Đông Sơn với các hiện vật khảo cổ của khu vực Quảng Tây, Trung Quốc, một học giả đã nhấn mạnh, ngay từ giai đoạn hậu kỳ đá cũ, khu vực Bắc Việt Nam và vùng Quảng Tây đã có mối quan hệ rất đặc biệt. Ở đây có sự tương đồng giữa văn hóa Ngườm với văn hóa Sơn Vi. Sự tương đồng này cho phép đặt các giả thuyết mới về sự lan tỏa văn hóa.

Đó là ý kiến của PGS.TS. Trình Năng Chung, Viện Khảo cổ học; PGS.TS. Đỗ Thu Hà, Đại học Quốc gia Hà Nội; TS. Park Ji Hoon, Đại học Hà Nội; GS. Thành Duy, Viện KHXH Việt Nam; và PGS.TS. Cheng Grace, Đại học Hawaii.

3. Các vấn đề văn hóa xã hội qua khảo sát các tư liệu Hán Nôm, Châu bản

Nghiên cứu Châu bản triều Nguyễn để tìm hiểu những dấu vết, những nội dung, những quan niệm về *Phong trào Đông Du* đầu thế kỷ XX là một hướng nghiên cứu có thể coi là mới, độc đáo, khả thi mà trước nay chưa mấy ai thực sự quan tâm. Tại Tiểu ban 15, một tác giả đã bước đầu chỉ ra những hiểu biết sâu hơn, phong phú hơn về phong trào Đông Du và về hai Chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh qua nguồn tư liệu Châu bản. Mặc dù chưa hài lòng với kết quả đã nghiên cứu, nhưng các học giả coi

đây là một cách tiếp cận đáng quan tâm trong nghiên cứu Việt Nam học.

Tìm hiểu 24 nhân vật hiếu thảo theo quan niệm của Nho giáo Việt Nam thông qua khảo sát văn bản “Bổ chính nhị thập tứ hiếu truyện” (văn bản chữ Hán và Nôm), trong so sánh với các văn bản chữ Hán khác, là một nghiên cứu công phu của NCS. Sato Thụy Uyên. Kết quả bước đầu này đã góp phần làm rõ đặc thù của tính chất nhân văn trong văn hóa Việt Nam và một số đặc điểm chữ Nôm cuối thế kỷ XIX.

Trên cơ sở khảo sát các văn bản Hán Nôm về nhật ký của các sứ thần triều Nguyễn đi sứ Nhà Thanh, một tham luận đã phác họa *quan hệ bang giao Việt - Trung trong thế kỷ XIX*. Tư liệu Hán Nôm về chủ đề này được coi là tương đối phong phú. Khảo sát các nội dung đi sứ thời kỳ này như việc cầu phong, sắc phong, dụ tế, tiến cống, chúc thọ, các nhà nghiên cứu có thể thấy rõ hơn, quan hệ bang giao giữa hai nước thời này không căng thẳng và cũng không trực tiếp có sự đối đầu như các triều đại trước đó.

Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ Hán Việt rất đặc thù của người Việt, một tác giả đã đưa ra giả thuyết, ở Việt Nam, có một hệ thống chữ Hán của người Việt. Đây là khẳng định được quan tâm chú ý và gây tranh cãi sôi nổi.

Đó là ý kiến của ThS. Nguyễn Quang Hà, Trung tâm bảo tồn Di sản Hoàng Thành; ThS. Hoàng Phương Mai, Viện Nghiên cứu Hán Nôm; và NCS. Sato Thụy Uyên, Đại học Kansai; PGS.TS. Vương Toàn, Viện Thông tin KHXH; PGS.TS. Lê Văn Toan, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

4. Về các nguồn tài liệu Việt Nam học và vai trò của tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu Việt Nam học

Có nhiều tham luận bàn về chủ đề này, và tại tiểu ban 15, đây là chủ đề được tranh cãi sôi nổi. Các nhà khoa học, đặc biệt các nhà khoa học nước ngoài nhấn mạnh, tài liệu cấp I, tức các tài liệu gốc trong các trung tâm lưu trữ có giá trị đặc biệt đối với việc tham khảo, nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu không rõ vì lý do gì lại không mấy quan tâm. Có không ít công trình khoa học, đáng ra rất có giá trị, nhưng trên thực tế lại bị giảm uy tín, chỉ vì sử dụng tư liệu thứ cấp.

Các tham luận đã chỉ ra những bộ hồ sơ cụ thể mà các kho lưu trữ có thể dễ dàng đáp ứng nhu cầu của giới nghiên cứu và của xã hội, nhưng đến nay vẫn chưa có cá nhân hoặc tổ chức nào tổ chức nghiên cứu một cách có bài bản. Chẳng hạn:

- Bộ máy quản lý nền hành chính triều Nguyễn (1802-1945) với nhiều cơ chế rất đáng quan tâm như bổ nhiệm, bãi miễn quan lại, chế độ lương bổng, kiểm tra, giám sát, thưởng phạt, kể cả chế độ phụ cấp cho các viên chức đi tuần du quần đảo Hoàng Sa^(*).

- Chế độ và chính sách quản lý ruộng đất của các triều đại trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

- Về lịch sử quân sự thời kỳ thuộc địa, với nguồn tư liệu có trong tay thuộc loại đa dạng, phong phú, nhưng cho đến nay hầu hết các nhà nghiên cứu không dùng tài liệu gốc mà nhiều lắm lại chỉ dùng cuốn "*Lịch sử quân sự Đông*

Dương thuộc Pháp của các học giả quân sự người Pháp xuất bản tháng 7/1930^(*).

- Về Tổ chức bộ máy hành chính của cả nước và đặc biệt của thành phố Hà Nội, đứng đầu là Ủy ban Thành phố và Tòa Đốc lý với những chức năng, cơ cấu qua từng thời kỳ lịch sử cùng hệ thống chân rết của nó ở cấp dưới, hiện có nguồn tư liệu đặc biệt phong phú.

- Một số thay đổi bộ máy hành chính của Pháp ở Hà Nội thời tạm chiếm (1947-1954) và sự xuất hiện của Hội đồng An Dân rồi Thị chính ủy hội hỗn hợp Việt - Pháp (có khá nhiều tài liệu lưu trữ về nội dung này nhưng hầu như các nhà nghiên cứu về Hà Nội đều bỏ qua).

- Tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam từ sau năm 1945 đến nay với rất nhiều biến động như "tách - nhập, nhập - tách" các cơ quan, các đơn vị hành chính, cũng là một nội dung mà kinh nghiệm chứa đựng trong các tư liệu lưu trữ ít được khai thác.

Về các nguồn tài nguyên Việt Nam học truyền thống, một số tham luận một lần nữa nhắc nhở giới nghiên cứu về giá trị của 191 bài thơ chữ Hán với 3.500 đơn vị thơ được khắc trong Điện Thái Hòa ở Huế, về các bản truyện Nôm *Lục Vân Tiên* lưu giữ trong nước và nước ngoài, về hàng chục vạn hồ sơ, hàng trăm phong tư liệu quý hiếm và hàng chục loại kho tư liệu có một không hai của 4 trung tâm lưu trữ quốc gia, của Thư viện KHXH thuộc Viện KHXH Việt Nam. Qua các nguồn tư liệu này, rất nhiều vấn đề văn hóa, xã hội, lịch sử thuộc đời sống xã hội quá khứ, đáng ra

^(*) Xem thêm: *Bulletin administratif de Annam*. No.1. 1939.

^(*) Xem thêm: *Histoire militaire de l'Indochine de l'Indochine française des débuts nos jours* (juillet 1930). Imprimerie Extrême-Orient, 1930, 542 pages.

đã được giải đáp hoặc soi sáng, song tiếc rằng đến nay, việc giải mật để nghiên cứu, việc số hóa để phổ cập, việc khai thác một cách chuyên nghiệp và có bài bản, chúng ta chưa làm được bao nhiêu. Tư liệu, chẳng hạn 160.000 hồ sơ về giáo dục và y tế giai đoạn 1861-1954 ở Trung tâm lưu trữ quốc gia I, hay những tập *Bulletin* về Triều Nguyễn, về Cố đô Huế, những tài liệu nói về công lao của các triều đại Gia Long, Minh Mệnh, Tự Đức trong việc trị thủy đồng bằng sông Hồng chắc chắn đó không chỉ là những tài liệu thông thường, mà đó là những kinh nghiệm, những bài học, những chứng cứ, những chỉ báo trực tiếp phục vụ cho những nhu cầu nóng, cấp bách của việc bảo vệ chủ quyền^(*) và xây dựng đất nước trong điều kiện hiện nay.

Đó là ý kiến của các học giả Nguyễn Khắc Thuần ở Đại học Bình Dương, của ThS. Nguyễn Phước Hải Trung ở Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, của TS.

Vũ Thị Minh Hương ở Cục văn thư và lưu trữ nhà nước, của ThS. Phạm Xuân Hoàng ở Viện Thông tin KHXH, của TS. Olivier Tessier ở Viện Viễn Đông bác cổ Hà Nội và của PGS.TS. Nguyễn Trần Cầu ở Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

*

* *

Trên đây là những nội dung chính đã diễn ra trong 6 phiên thảo luận ở tiểu ban 15. Tinh thần chung mà chúng tôi nhận được phản hồi sau thảo luận là hầu hết các tác giả đều hài lòng với những gì mình kịp phát biểu. Tuy thế gần như tác giả nào cũng còn khá nhiều ý hay nhưng do hạn hẹp về thời gian nên chưa kịp trình bày. Điều đó - hy vọng sẽ đọng lại như một kích thích, gợi mở cho những nghiên cứu mới, sâu hơn, hay hơn khi các nhà khoa học gặp mặt ở lần Hội thảo sau.

^(*) Xem thêm: La Mémoire sur la Cochinchine de Jean Baptiste Chaigneau. *Bulletin des Amis du Vieux Huê*. - 4-6/1923, No 2, tome. X. - pp.253-283.